|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**THANH TRA SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: 44 /KL-TTr |  *Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 6 năm 2017* |

**KẾT LUẬN THANH TRA**

**Việc thực hiện chính sách ưu đãi Người có công cách mạng,**

**chính sách bảo trợ xã hội tại xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 20/QĐ-TTr ngày 28/3/2017của Chánh Thanh tra Sở; Biên bản thanh tra, Biên bản làm việc với Phòng Lao động-TB&XH thị xã Hương Thủy, Biên bản làm việc với Bưu điện thị xã Hương Thủy; các hồ sơ, tài liệu liên quan, đối chiếu quy định của pháp luật.

Chánh Thanh tra Sở Lao động - TB&XH kết luận:

**I**. **Tình hình chung liên quan đến nội dung thanh tra**

 Xã Thủy Vân có 4 thôn với 1.817 hộ, 7.353 nhân khẩu, toàn xã có 64 hộ nghèo, 43 hộ cận nghèo.

 Thời điểm tháng 4/2017 tại danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi người người có công (viết tắt là NCC) và trợ cấp bảo trợ xã hội (viết tắt là BTXH) xã Thủy Vân:

- 104 định suất hưởng các loại trợ cấp NCC hàng tháng, kinh phí chi trả trợ cấp: 130.490.000 đồng [[1]](#footnote-2).

- 388 người hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng, kinh phí chi trả 148.770.000 đồng [[2]](#footnote-3).

**II. Kết quả thanh tra**

1. Công tác theo dõi, quản lý chung

2. Công tác tiếp nhận, xác nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị trợ cấp

2.1. Hồ sơ đề nghị trợ cấp ưu đãi người có công

2.2. Hồ sơ đề nghị trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng

3. Việc chi trả trợ cấp BTXH hàng tháng của Bưu điện xã

4. Kết quả kiểm tra hồ sơ đang hưởng trợ cấp BTXH tại xã Thủy Vân được lưu trữ tại Phòng thị xã

4.1. Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ tại Phòng thị xã

4.2. Số lượng hồ sơ đang hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng

4.3. Kiểm tra hồ sơ hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng

5. Chi trả trợ cấp BTXH hàng tháng, quyết toán với Phòng thị xã

5.1. Công tác quản lý, chi trả trợ cấp ưu đãi NCC

5.1.1. Đối tượng tăng

5.1.2. Đối tượng giảm

5.1.3. Chi trả trợ cấp, hoàn ứng tiền của đối tượng thôi hưởng

5.1.4. Trợ cấp 1 lần và mai táng phí

 5.2. Công tác quản lý, chi trả trợ cấp BTXH hàng tháng

5.2.1. Đối tượng tăng

5.2.2. Đối tượng giảm

5.2.3. Công tác quản lý đối tượng BTXH

5.2.4. Việc chi trả trợ cấp hàng tháng

 5.2.5. Việc hoàn ứng trợ cấp hàng tháng của đối tượng do thôi hưởng nhưng vẫn còn tên trong danh sách trợ cấp

**III. Kết luận**

**1. Ưu điểm**

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thị ủy, UBND thị xã Hương Thủy; sự hướng dẫn về chuyên môn của các Phòng thị xã, cơ quan liên quan và phối hợp với các ngành, đoàn thể; UBND xã đã quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện công tác chính sách NCC, BTXH đạt kết quả quan trọng, nổi bật.

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã và các ban ngành đoàn thể cấp xã đã có sự quan tâm, thường xuyên chăm lo đến các chính sách đối với NCC trên địa bàn; đời sống của NCC, người hưởng trợ cấp BTXH và thân nhân được quan tâm, tạo niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Đối tượng NCC, BTXH được công nhận và giải quyết chế độ kịp thời;

- Cán bộ LĐTBXH xã có nhiều cố gắng trong công tác chính sách. Có sự phối hợp giữa cán bộ LĐTBXH, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã với các thôn trưởng.

Những mặt ưu điểm của xã Thủy Vân về công tác chính sách NCC, BTXH là nổi bật và cơ bản song vẫn còn một số tồn tại.

**2. Một số sai sót, tồn tại**

**2.1. UBND xã Thủy Vân**

2.1.1. UBND xã phân công ông Nguyễn Văn Hẹ chi trả trợ cấp ưu đãi NCC nhưng không có quyết định theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng trách nhiệm chi trả trợ cấp ưu đãi NCC hàng tháng.

2.1.2. UBND xã không lập phiếu tiếp nhận, trả hồ sơ. Khi gửi hồ sơ BTXH đến Phòng thị xã không có văn bản của chủ tịch UBND xã theo quy định [[3]](#footnote-4).

2.1.3.Không thành lập Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội theo quy định [[4]](#footnote-5); Thời gian tổ chức họp xét duyệt hồ sơ của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội, hội đồng XĐMĐKT xã theo từng đợt còn chậm trễ, thời gian kéo dài hơn so với thời gian quy định[[5]](#footnote-6).

2.1.4. Sổ lĩnh tiền trợ cấp ưu đãi NCC hàng tháng của một số đối tượng không ghi đầy đủ các nội dung. Việc chi trả trợ cấp ưu đãi NCC hàng tháng, cán bộ LĐTBXH xã còn chủ quan, chưa thực hiện đúng quy định như: Nhiều trường hợp đối tượng, thân nhân đối tượng, người nhận thay khi nhận trợ cấp ký nhận hoặc điểm chỉ trong danh sách trợ cấp nhưng không ghi họ tên.

2.1.5. Một số trường hợp đối tượng không đi nhận được mà nhờ người khác đi nhận thay không có giấy ủy quyền hoặc giấy nhận thay nhưng cán bộ LĐTBXH xã vẫn chi trả trong thời gian dài như trường hợp ông Nguyễn Văn Mễ, thôn Dạ Lê, sinh ngày 02/02/1944 hàng tháng nhận thay khoảng 15 người.

2.1.6. Chưa hướng dẫn thân nhân của 07 NKT ĐBN làm hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc NKTĐBN theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

2.1.7. Chi trả thêm cho đối tượng 01 tháng sau tháng từ trần.

2.1.8. Nộp hoàn ứng thừa 1 tháng (5/2015), số tiền 270.000 đồng của ông Phan Văn Quảng, NKTN. Ông Quảng từ trần nhưng cắt nhầm chế độ của Phan Văn Quân, sinh năm 1984 NKTN (cùng mức trợ cấp 270.000 đồng).

**2.2. Phòng Lao động - TB&XH thị xã Hương Thủy**

2.2.1. Lưu trữ hồ sơ BTXH không hệ thống;

 2.2.2. Không lưu kèm quyết định trợ cấp, điều chỉnh mức trợ cấp, thay đổi loại đối tượng hưởng trợ cấp cùng với hồ sơ các đối tượng đang hưởng trợ cấp BTXH.

2.2.3. Thẩm định trình UBND thị xã ban hành quyết định trợ cấp BTXH hàng tháng có một số trường hợp còn chậm trễ so với thời gian quy định là 07 ngày quy định[[6]](#footnote-7).

2.2.4. Một số hồ sơ thời gian hưởng của đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên kể từ thời điểm có quyết định, không theo thời điểm đủ 80 tuổi theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

**2.3. Bưu điện thị xã Hương Thủy**

2.3.1. Từ tháng 6/2016 đến tháng 3/2017 có nhiều trường hợp đối tượng không đi nhận trợ cấp được mà nhờ người khác đi nhận thay không có giấy ủy quyền hoặc giấy nhận thay nhưng nhân viên bưu điện vẫn chỉ trả trợ cấp; nhiều đối tượng, thân nhân đối tượng, người nhận thay trợ cấp chỉ ký nhận hoặc điểm chỉ trong danh sách trợ cấp không ghi rõ họ tên người nhận.

 2.3.2. Chưa thường xuyên phối hợp với cán bộ LĐ-TBXH xã để kịp thời phát hiện những đối tượng hết điều kiện hưởng nhưng còn tên trong danh sách để UBND xã lập danh sách gửi Phòng thị xã cắt giảm kịp thời.

**IV. Kiến nghị**

**1. Đối với UBND xã Thủy Vân**

1.1. Có quyết định phân công ông Nguyễn Văn Hẹ chi trả trợ cấp ưu đãi NCC theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng trách nhiệm chi trả trợ cấp ưu đãi NCC.

1.2. Lập phiếu tiếp nhận, trả hồ sơ đề nghị trợ cấp hàng tháng; gửi hồ sơ đến Phòng thị xã có văn bản của chủ tịch UBND xã.

1.3. Thành lập Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội theo quy định, giải quyết hồ sơ phải đúng thời hạn, kịp thời.

1.4. Chi trả trợ cấp ưu đãi NCC trực tiếp đến người hưởng, nếu người khác nhận thay phải có giấy ủy quyền hoặc giấy nhận thay có xác nhận của UBND xã. Khi chi trả trợ cấp phải ký xác nhận vào sổ lĩnh tiền của đối tượng.

1.5. Hướng dẫn thân nhân của 07 NKTĐBN đủ điều kiện hưởng trợ cấp gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NKTĐBN lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp hàng tháng.

1. **Đề nghị Phòng Lao động - TBXH thị xã Hương Thủy**

2.1. Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách NCC, BTXH trên địa bàn; giải quyết hồ sơ đúng thời hạn, lưu ý đối với trường hợp đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên phải kịp thời theo quy định; thực hiện thu hồi trợ cấp đúng quy định.

2.2. Sắp xếp lại hồ sơ các đối tượng hưởng trợ cấp BTXH có hệ thống, khoa học;

2.3. Lưu kèm theo quyết định trợ cấp, điều chỉnh mức trợ cấp, thay đổi loại đối tượng hưởng trợ cấp cùng với hồ sơ các đối tượng đang hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng.

2.4. Khi soạn thảo các quyết định liên quan đến đối tượng hưởng trợ cấp BTXH phải nghiên cứu các văn bản pháp luật để viện dẫn.

**3. Đề nghị Bưu điện thị xã Hương Thủy**

3.1. Khi chi trả trợ cấp, trường hợp đối tượng không đi nhận trợ cấp được mà nhờ người khác đi nhận thay phải có giấy ủy quyền hoặc giấy nhận thay; khi đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc người nhận thay sau khi ký hoặc điểm chỉ phải ghi rõ họ tên người nhận trong danh sách trợ cấp.

3.2. Phối hợp chặt chẽ với cán bộ LĐTBXH xã để nắm rõ tình hình đối tượng, kịp thời phát hiện đối tượng đã chết hoặc không còn điều kiện hưởng nhưng vẫn có tên trong danh sách chi trả, kịp thời ngừng chi trả, cắt, giảm chế độ theo quy định.

**4. Đề nghị UBND thị xã Hương Thủy**

Chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH thị xã, UBND xã Thủy Vân nghiêm túc tổ chức thực hiện các kiến nghị nêu trên.

 Lãnh đạo, chỉ đạo Phòng Lao động-TB&XH, Thanh tra thị xã và các cơ quan liên quan tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách ưu đãi NCC, chính sách BTXH trên địa bàn.

**V. Thực hiện kiến nghị và báo cáo**

Đề nghị UBND xã Thủy Vân và các cơ quan có liên quan thực hiện các kiến nghị nêu trên gửi về Thanh tra Sở Lao động - TB&XH Thừa Thiên Huế, địa chỉ 18, Nguyễn Sinh Sắc, TP Huế **trước ngày 28/7/2017.**

Trên đây là kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách ưu đãi NCC, chính sách BTXH tại xã Thủy Vân. Kết luận thanh tra khách quan, trung thực, nghiêm túc theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Sở Lao động - TB&XH: Đ/c Giám đốc, các đ/c Phó giám đốc phụ trách (Để báo cáo);- UBND thị xã Hương Thủy (Để chỉ đạo); - Các Phòng NCC, BTXH Sở Lao động -TB&XH;- Phòng Lao động -TB&XH thị xã Hương Thủy;- Bưu điện thị xã Hương Thủy;- Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thủy Vân;- Lưu VT, hồ sơ thanh tra. | **CHÁNH THANH TRA**Đã ký**Trần Văn Trung** |

1. gồm: 28 định suất Thương binh (viết tắt TB), 03 định suất bệnh binh (viết tắt BB), 01 định suất Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (viết tắt VNAH), 01 định suất Người phục vụ Bà mẹ VNAH, 25 định suất Tuất liệt sỹ (viết tắt TLS), 16 định suất Người có công giúp đỡ cách mạng (viết tắt NCC GĐCM), 05 định suất người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, 01 định suất Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, 24 định suất Tù đày. [↑](#footnote-ref-2)
2. gồm: 01 Người đơn thân nghèo đang nuôi con dưới 16 tuổi, 03 Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo dưới 80 tuổi, 172 Người từ đủ 80 tuổi trở lên, 9 người khuyết tật (viết tắt NKT) đặc biệt nặng (viết tắt ĐBN), 5 NKT ĐBN là người cao tuổi; 4 NKT ĐBN là trẻ em, 92 người khuyết tật nặng (viết tắt NKTN), 84 NKTN là người cao tuổi, 9 NKTN là trẻ em, 9 Gia đình nhận chăm sóc 1 NKT ĐBN. [↑](#footnote-ref-3)
3. Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-4)
4. Điều 32 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-5)
5. Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; Điều 21 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-6)
6. Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-7)